

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2026 - 2027

MÔN: GDQPAN 11

THỜI GIAN: 45 PHÚT

1. Mục tiêu kiểm tra

1.1. Kiến thức

Kiểm tra mức độ đạt được của học sinh đối với các nội dung kiến thức:

- Khái quát về biên giới trên đất liền của Việt Nam.
- Biên giới Việt Nam – Trung Quốc.
- Biên giới Việt Nam – Lào.
- Biên giới Việt Nam – Campuchia.
- Một số địa phương có vị trí đặc biệt về biên giới; ngã ba biên giới A Pa Chải và Bờ Y.
- Một số cửa khẩu, địa danh tiêu biểu ở khu vực biên giới.
- Một số sự kiện lịch sử gắn với biên giới.
- Quy định khi tham quan khu vực gần biên giới; bảo vệ mốc quốc giới; ứng xử với người dân nước láng giềng và trách nhiệm khi chia sẻ thông tin về biên giới.
- Khả năng liên hệ, vận dụng kiến thức về biên giới vào các tình huống thực tiễn.

1.2. Năng lực

- NL1 – Nhận biết: Nhận biết, nhớ và xác định được các số liệu, địa danh, địa phương, cửa khẩu, sự kiện và những dữ kiện cơ bản liên quan đến biên giới trên đất liền.
- NL2 – Thông hiểu: Phân biệt, xác định được thứ tự địa phương; mối quan hệ giữa địa phương – tuyến biên giới – cửa khẩu – quốc gia tiếp giáp; hiểu trách nhiệm của học sinh trong bảo vệ biên giới và chia sẻ thông tin.
- NL3 – Vận dụng: Vận dụng kiến thức để đánh giá nhận định, xác định vị trí, lựa chọn hành vi và cách ứng xử phù hợp trong các tình huống liên quan đến biên giới.
- NL4 – Vận dụng cao: Phân tích, tổng hợp các dữ kiện trong tình huống để xác định kết quả và đưa ra nhận định có căn cứ.

2. Hình thức kiểm tra

Dạng câu hỏi	Số lượng	Điểm	Tỉ lệ
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	20 câu	5,00	50%
Trắc nghiệm Đúng/Sai	5 câu × 4 ý	2,50	25%
Trả lời ngắn	5 câu	2,50	25%
Tổng	30 câu	10,00	100%

3. Ma trận đề kiểm tra

3.1. Ma trận chi tiết

STT	Nội dung/đơn vị kiến thức	Tóm tắt yêu cầu cần đạt	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Điểm
1	Khái quát biên giới đất liền; biên giới Việt Nam – Trung Quốc	Nhận biết số quốc gia có biên giới đất liền với Việt Nam; chiều dài tuyến Việt Nam – Trung Quốc; tỉnh giáp Trung Quốc sau sáp nhập; hiểu thứ tự địa phương trên tuyến; vận dụng thứ tự để xác định vị trí của Tuyên Quang	3 TNKQ	1 TNKQ	1 TLN	–	1,50
2	Biên giới Việt Nam – Lào	Nhận biết chiều dài, số cột mốc; hiểu số đơn vị cấp tỉnh giáp Lào sau sắp xếp; vận dụng danh sách địa phương để xác định số thành phố trực thuộc Trung ương giáp Lào	2 TNKQ	1 TNKQ	1 TLN	–	1,25
3	Biên giới Việt Nam – Campuchia	Nhận biết chiều dài, số tỉnh giáp Campuchia; hiểu dữ kiện về địa	2 TNKQ	1 TNKQ	–	1 TLN	1,25

		phương sau sắp nhập; tổng hợp thứ tự các tỉnh để xác định vị trí địa phương					
4	Địa phương biên giới; A Pa Chải và Bờ Y	Nhận biết tỉnh giáp cả Trung Quốc và Lào; nhận biết A Pa Chải; hiểu điểm chung giữa A Pa Chải và Bờ Y; vận dụng kiến thức để đánh giá các nhận định	2 TNKQ	1 TNKQ	4 ý Đ/S	–	1,25
5	Cửa khẩu và địa danh biên giới	Nhận biết địa phương của các cửa khẩu; hiểu quan hệ cửa khẩu – quốc gia; vận dụng đánh giá nhận định về cửa khẩu, địa danh; tổng hợp dữ kiện cửa khẩu và địa phương giáp Lào	2 TNKQ	1 TNKQ	4 ý Đ/S	1 TLN	1,75
6	Một số sự kiện lịch sử gắn với biên giới	Nhận biết mốc thời gian; hiểu điểm chung của các địa danh lịch sử; vận dụng phân loại, đánh giá các nhận định về sự kiện và khu vực biên giới	1 TNKQ	1 TNKQ	4 ý Đ/S	–	1,00
7	Quy định tại khu vực biên giới; bảo vệ mốc quốc giới; trách	Nhận biết hành vi phù hợp; hiểu trách nhiệm kiểm tra thông tin; vận dụng đánh giá	1 TNKQ	1 TNKQ	8 ý Đ/S	1 TLN	2,00

	nhiệm của học sinh	hành vi ứng xử, cách xử lý liên quan đến mốc quốc giới; phân tích tình huống để xác định số hành vi phù hợp					
	TỔNG		13 TNKQ	7 TNKQ	20 ý Đ/S + 2 TLN	3 TLN	10,00

3.2. Cơ cấu điểm theo dạng câu hỏi

Dạng câu hỏi	Số câu/ý	Cách tính	Điểm	Tỉ lệ
TNKQ nhiều lựa chọn	20 câu	$20 \times 0,25$	5,00	50%
Đúng/Sai	20 ý	$20 \times 0,125$	2,50	25%
Trả lời ngắn	5 câu	$5 \times 0,50$	2,50	25%
Tổng	30 câu		10,00	100%

4. Bảng tổng hợp kiểm tra ma trận – đặc tả

Nội dung kiểm tra	Kết quả
TNKQ nhiều lựa chọn	20 câu
Đúng/Sai	$5 \text{ câu} \times 4 \text{ ý} = 20 \text{ ý}$
Trả lời ngắn	5 câu
Tổng cấu trúc	30 câu
Điểm TNKQ	5,00
Điểm Đúng/Sai	2,50
Điểm trả lời ngắn	2,50
Tổng điểm	10,00
Tỉ lệ TNKQ	50%
Tỉ lệ Đúng/Sai	25%
Tỉ lệ trả lời ngắn	25%
Tổng tỉ lệ	100%

Đối chiếu mức độ nhận thức

Mức độ	Cơ cấu đã thống nhất
Nhận biết	13 TNKQ – 3,25 điểm – 32,5%
Thông hiểu	7 TNKQ – 1,75 điểm – 17,5%
Vận dụng	5 câu Đ/S + 2 TLN – 3,50 điểm – 35%
Vận dụng cao	3 TLN – 1,50 điểm – 15%
Tổng	10,00 điểm – 100%

5. Đề kiểm tra giữa kì I

6. Đáp án đề kiểm tra giữa kì I

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 10 năm 2026

TỔ TRƯỞNG CM

NGƯỜI SOẠN

Phan Duy Khiêm

Tào Thị Thúy